



HAI MINH
CORPORATION

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17 Pearl Plaza – 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: (028) 35.128.668 FAX: (028) 35.128688

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ IV NĂM 2019

(MÃ CK: HMH)

TP.HCM, Ngày 22 tháng 01 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU B01a-DN

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số dư 31/12/2019 | Số dư 01/01/2019 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 119.600.863.580 | 124.132.571.141 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 62.236.026.847 | 57.939.720.350 |
| 1. Tiền | 111 | | 8.036.026.847 | 10.939.720.350 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 54.200.000.000 | 47.000.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | V.2 | 10.452.132.902 | 21.192.551.866 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | V.2a | 6.452.132.902 | 10.788.962.576 |
| 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2b | 4.000.000.000 | 10.403.589.290 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 44.248.492.685 | 42.429.188.217 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 21.591.138.676 | 23.045.014.745 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 205.500.000 | 132.870.000 |
| 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.4 | 17.441.715.920 | 17.441.715.920 |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5a | 7.552.816.916 | 3.546.248.876 |
| 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (2.542.678.827) | (1.736.661.324) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | V.7 | 392.070.858 | 631.513.620 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 392.070.858 | 631.513.620 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 2.272.140.288 | 1.939.597.088 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8a | 1.754.562.198 | 1.455.308.006 |
| 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.13 | 517.578.090 | 484.289.082 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 131.520.168.808 | 137.790.653.898 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 55.000.000 | 55.000.000 |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | V.5b | 55.000.000 | 55.000.000 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 118.653.620.737 | 126.941.651.173 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 96.300.356.044 | 104.012.065.708 |
| Nguyên giá | 222 | | 184.443.516.606 | 183.783.373.292 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (88.143.160.562) | (79.771.307.584) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.10 | 22.353.264.693 | 22.929.585.465 |
| Nguyên giá | 228 | | 24.058.532.693 | 24.058.532.693 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (1.705.268.000) | (1.128.947.228) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | 2.400.000.000 | - |
| Nguyên giá | 231 | | 2.400.000.000 | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 208.363.636 | 639.818.192 |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.11 | 208.363.636 | 639.818.192 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 5.784.016.819 | 5.784.016.819 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.12 | 5.784.016.819 | 5.784.016.819 |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 4.419.167.616 | 4.370.167.714 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8b | 4.213.775.420 | 4.116.001.772 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | 205.392.196 | 254.165.942 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 251.121.032.388 | 261.923.225.039 |

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số dư | |
|---|-------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 16.638.797.751 | 13.800.281.172 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 16.300.069.751 | 13.593.681.172 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.13 | 10.989.451.882 | 7.380.744.658 |
| 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.14 | 2.109.418.254 | 2.335.892.014 |
| 3. Phải trả người lao động | 314 | | 1.957.969.184 | 1.775.924.005 |
| 4. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | 249.375.975 | 82.597.124 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.15a | 750.827.641 | 744.506.254 |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | | - | 821.780.530 |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.16 | 243.026.815 | 452.236.587 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 338.728.000 | 206.600.000 |
| Phải trả dài hạn khác | 337 | V.15b | 338.728.000 | 206.600.000 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 234.482.234.637 | 248.122.943.867 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.17 | 234.482.234.637 | 248.122.943.867 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 131.998.470.000 | 131.998.470.000 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i> | <i>411a</i> | | <i>131.998.470.000</i> | <i>131.998.470.000</i> |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 5.893.984.271 | 5.893.984.271 |
| 3. Cổ phiếu quỹ (*) | 415 | | (4.394.588.700) | (3.809.548.070) |
| 4. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 6.745.703.936 | 6.745.703.936 |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 92.874.419.228 | 105.949.105.106 |
| <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước</i> | <i>421a</i> | | <i>81.081.827.167</i> | <i>94.608.959.881</i> |
| <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i> | <i>421b</i> | | <i>11.792.592.061</i> | <i>11.340.145.225</i> |
| 6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | 1.364.245.902 | 1.345.228.624 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 251.121.032.388 | 261.923.225.039 |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 01 năm 2020



NGUYỄN THẾ HÙNG
Tổng Giám đốc


NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Kế toán trưởng


NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2019

(Có so sánh với số liệu Quý IV năm 2018)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Quý IV năm 2019 | | Quý IV năm 2018 | | Năm 2019 | Năm 2018 |
|--|-------|-------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|----------|----------|
| | | | Qui IV năm 2019 | Qui IV năm 2018 | Năm 2019 | Năm 2018 | | |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | 32.466.835.776 | 32.510.957.680 | 124.204.084.108 | 124.231.510.674 | | |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - | - | - | | |
| 3. Doanh thu thuần từ doanh thu | 10 | VI.1 | 32.466.835.776 | 32.510.957.680 | 124.204.084.108 | 124.231.510.674 | | |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 26.355.944.784 | 27.867.750.694 | 105.079.292.506 | 110.807.964.648 | | |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 6.110.890.992 | 4.643.206.986 | 19.124.791.602 | 13.423.546.026 | | |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 1.939.128.674 | 2.545.742.936 | 6.601.502.902 | 18.752.747.221 | | |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 2.299.588.916 | 2.627.245.680 | 2.865.002.197 | 12.567.670.829 | | |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | 22.793.905 | 67.561.417 | 223.257.537 | 487.617.834 | | |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | - | - | - | - | | |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - | - | - | | |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.5 | 2.378.905.478 | 2.062.652.185 | 8.841.076.933 | 9.537.972.454 | | |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 3.371.525.272 | 2.499.052.057 | 14.020.215.374 | 12.623.765.711 | | |
| 12. Thu nhập khác | 31 | | 250.404.376 | 810.266.828 | 370.963.284 | 1.484.702.186 | | |
| 13. Chi phí khác | 32 | | 353.345.986 | 33.972.351 | 502.682.329 | 100.906.989 | | |
| 14. Lợi nhuận (lỗ) khác | 40 | VI.6 | (102.941.610) | 776.294.477 | (131.719.045) | 1.383.795.197 | | |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 3.268.583.662 | 3.275.346.534 | 13.888.496.329 | 14.007.560.908 | | |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | VI.7 | 470.508.700 | 553.611.235 | 1.942.639.983 | 2.555.169.859 | | |
| 17. Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | 17.054.549 | 3.200.242 | 48.773.747 | 15.831.268 | | |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 2.781.020.413 | 2.718.535.057 | 11.897.082.599 | 11.436.559.781 | | |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | | | |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ | 61 | | 2.753.873.038 | 2.689.404.373 | 11.792.592.061 | 11.350.890.902 | | |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | 27.147.375 | 29.130.684 | 104.490.538 | 85.668.879 | | |
| 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.8 | 208 | 205 | 823 | 818 | | |
| 20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.9 | 208 | 205 | 823 | 818 | | |

19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 01 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH
 NGUYỄN THỊ HUNG
 Tổng Giám đốc

(Signature)
 NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
 Kế toán trưởng

(Signature)
 NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2019

(Có so sánh với số liệu năm 2018)

Mẫu B 03a-DN
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm | |
|--|-------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| | | | 2019 | 2018 |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 13.888.496.329 | 14.007.560.908 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| - Khấu hao TSCĐ và BDSĐT | 02 | | 9.969.201.999 | 12.481.899.332 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | 806.017.503 | 886.064.242 |
| - (Lãi)/ Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | 22.771.257 |
| - Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | | (5.751.531.456) | (14.266.501.601) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 223.257.537 | 487.617.834 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 19.135.441.912 | 13.619.411.972 |
| - (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu | 09 | | (1.661.147.677) | (4.676.168.859) |
| - Tăng hàng tồn kho | 10 | | 239.442.762 | 24.581.013 |
| - Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | 4.324.682.335 | (3.280.648.455) |
| - Tăng chi phí trả trước | 12 | | (397.027.840) | 1.168.131.966 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | 4.336.829.674 | (1.259.555.939) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (223.257.537) | (487.617.834) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (2.530.317.953) | (1.769.439.988) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (1.910.200.772) | (2.551.404.739) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 21.314.444.904 | 787.289.137 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (5.183.459.807) | (5.705.208.201) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 1.500.363.636 | 2.388.181.818 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | 6.403.589.290 | (9.014.049.191) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | (2.884.000.000) |
| 5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | 55.849.877.555 |
| 6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 4.836.221.064 | 3.052.136.469 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 7.556.714.183 | 43.686.938.450 |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã | 32 | | (585.040.630) | (3.809.548.070) |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | | 18.185.185.539 | 125.426.484.568 |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (19.006.966.069) | (124.604.707.273) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính | 35 | | - | - |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (23.168.031.430) | (26.122.217.195) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (24.574.852.590) | (29.109.987.970) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | 4.296.306.497 | 15.364.239.617 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 57.939.720.350 | 42.734.241.990 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | (22.771.257) |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | | 62.236.026.847 | 58.075.710.350 |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 01 năm 2020

NGUYỄN THỊ HƯNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2019

MÃU B09a-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hải Minh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 ngày 24 tháng 01 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 2 ngày 26 tháng 10 năm 2004, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính và bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 4 ngày 07 tháng 4 năm 2006, chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 10.000.000.000 VND lên 20.000.000.000 VND và bổ sung ngành nghề kinh doanh (Bổ sung: Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy – đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán, cho thuê tàu và thiết bị hàng hải).
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 5 ngày 03 tháng 10 năm 2006, chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 20.000.000.000 VND lên 50.000.000.000 VND và thay đổi người đại diện theo pháp luật từ Ông Bùi Duy Ước – Chức danh: Giám đốc sang Ông Nguyễn Thành Chương – Chức danh: Giám đốc.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 6 ngày 22 tháng 03 năm 2007, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 50.000.000.000 VND lên 100.000.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 7 ngày 10 tháng 9 năm 2007, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 18 A Ngô Văn Năm, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh sang số 57 - 59 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 9 ngày 14 tháng 4 năm 2008, chuẩn y việc bổ sung ngành nghề kinh doanh (Bổ sung: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành nông nghiệp).
- Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 21 tháng 01 năm 2010, chuẩn y việc thay đổi mã số đăng ký doanh nghiệp từ số 4103000801 sang số 0302525162 và chuẩn y thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 57 - 59 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh sang Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, số 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 11 ngày 17 tháng 01 năm 2012, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, số 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh sang số 01, đường Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh và thay đổi người đại diện theo pháp luật từ

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ông Nguyễn Thành Chương – Chức danh: Giám đốc sang Ông Nguyễn Quốc Hùng - Chức danh: Tổng Giám đốc.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 12 ngày 13 tháng 01 năm 2015, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty từ Ông Nguyễn Quốc Hùng - Chức danh: Tổng Giám đốc sang Ông Nguyễn Thế Hưng - Chức danh: Tổng Giám đốc.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 13 ngày 20 tháng 5 năm 2016, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 100.000.000.000 VND lên 131.998.470.000 VND
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 đăng ký thay đổi lần thứ 14 chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 01, đường Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh sang tầng 17 – tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán điều chỉnh lần 3 số 172/2010/GCNCV-VSD-3 ngày 15 tháng 1 năm 2016 với nội dung chấp nhận Công ty Cổ phần Hải Minh thay đổi số lượng cổ phiếu đang lưu hành từ 10.000.000 cổ phiếu lên 13.199.847 cổ phiếu liên quan đến việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 100.000.000.000 VND lên 131.998.470.000 VND.

• **Vốn điều lệ** : 131.998.470.000 VND

Số cổ phiếu : 13.199.847 cổ phiếu

Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

• **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : 028 35128 668

Fax : 028 35128 688

Mã số thuế : 0 3 0 2 5 2 5 1 6 2

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty hiện nay là sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông - đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy - đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, cấu trúc Công ty bao gồm Công ty mẹ và 3 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Chi tiết như sau:

Công ty con

| Tên công ty con | Địa chỉ | Tỷ lệ phần sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|-----------------------------------|--|---|------------------------|--|
| Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát | Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng | 96,08% | 96,08% | Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa |
| Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh | Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng | 100,00% (trong đó: 99,92% trực tiếp và 0,08% gián tiếp) | 100,00% | Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa |
| Công ty TNHH DV Hàng hải Hải Minh | Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng | 100,00% (trong đó: 99,00% trực tiếp và 1,00% gián tiếp) | 100,00% | Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa |

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 147 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 153 người).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 là kỳ kế toán năm thứ 18 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

- Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh giao dịch theo nguyên tắc sau:

- Giao dịch mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi) được hạch toán theo tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Đối với tài sản tiền tệ (tiền mặt và các khoản phải thu): Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản ký quỹ ngoại tệ ngân hàng, thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ hoặc ký quỹ ngoại tệ;
- Đối với các khoản phải trả tiền tệ (phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay): Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ (sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản đầu tư vào công ty con, các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tồn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tồn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tồn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Mức trích lập dự phòng tồn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết. Tăng, giảm số dự

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý, nhượng bán, thu hồi vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, căn cứ vào giá trị tài sản thu hồi được kế toán ghi giảm số vốn đã góp. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản thu hồi được so với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo nguyên tắc giá gốc, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận từ đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi khoản đầu tư bị tổn thất tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập chi tiết như sau:

- Đối với khoản đầu tư chứng khoán niêm yết, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của các loại chứng khoán mà Công ty đang nắm giữ;
- Đối với khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị chưa niêm yết, việc lập phòng dựa trên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định dựa trên các kỹ thuật định giá một cách đáng tin cậy;
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính của đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

7. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng và phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản phải chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại, các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; các khoản phải thu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất. Tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

9. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

| | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà xưởng, vật kiến trúc | 10 – 50 |
| Máy móc thiết bị | 15 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 5 – 15 |
| Thiết bị văn phòng | 3 – 10 |
| Tài sản khác | 5 – 10 |

10. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất/quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí liên quan trực tiếp đến việc thực hiện các dự án đầu tư xây dựng khu dịch vụ hậu cần sân bay, chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản chưa hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa, chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 năm.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người ủy thác.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ, các khoản tiền bên nhận ủy thác của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chưa giải quyết, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

14. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>31/12/2019</u> | <u>01/01/2019</u> |
|--------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 2.691.438.441 | 1.957.564.927 |
| Tiền gửi ngân hàng | 5.344.588.406 | 8.982.155.423 |
| Các khoản tương đương tiền (i) | 54.200.000.000 | 47.000.000.000 |
| Cộng | <u>62.236.026.847</u> | <u>57.939.720.350</u> |

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,1%/năm đến 5,5%/năm (năm 2018: 5,1%/năm đến 6,0%/năm).

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | <u>31/12/2019</u> | | | <u>01/01/2019</u> | | |
|--|-------------------|----------------|----------|-------------------|----------------|----------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
| a) Chứng khoán kinh doanh | | | | | | |
| Đầu tư mua cổ phiếu | | | | | | |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn | - | - | - | 540.810.000 | 540.810.000 | - |
| Công ty Cổ phần hàng không Vietjet | - | - | - | 1.325.485.250 | 1.325.485.250 | - |
| Công ty Cổ phần tập đoàn xây dựng Hòa Bình | - | - | - | 563.343.750 | 563.343.750 | - |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam | - | - | - | 1.023.533.000 | 1.023.533.000 | - |
| Ngân hàng TMCP Quân đội | - | - | - | 874.810.250 | 874.810.250 | - |
| Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam | - | - | - | 1.106.657.500 | 1.106.657.500 | - |
| Tập đoàn xăng dầu Việt Nam | - | - | - | 921.380.000 | 921.380.000 | - |
| Công ty cổ phần Chứng khoán MB | 737.289.000 | 737.289.000 | - | 737.289.000 | 737.289.000 | - |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa Ốc Đất Xanh | - | - | - | 639.994.326 | 639.994.326 | - |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng | - | - | - | 544.315.250 | 544.315.250 | - |
| Tổng Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam | - | - | - | 1.211.815.000 | 1.211.815.000 | - |
| Tổng Công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan dầu Khí | - | - | - | 1.299.529.250 | 1.299.529.250 | - |
| Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực | 1.384.032.650 | 1.384.032.650 | - | - | - | - |
| Công ty Cổ phần Vincom | 733.098.000 | 733.098.000 | - | - | - | - |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | 31/12/2019 | | | 01/01/2019 | | |
|--|----------------------|----------------------|----------|-----------------------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
| Retail | | | | | | |
| Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công | 1.904.009.501 | 1.904.009.501 | - | - | - | - |
| Các Công ty khác | 1.693.703.751 | 1.693.703.751 | - | - | - | - |
| Cộng | 6.452.132.902 | 6.452.132.902 | - | 10.788.962.576 | 10.788.962.576 | - |

Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

Đối với các chứng khoán được niêm yết, giá hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày Báo cáo tài chính.

| | 31/12/2019 | | 01/01/2019 | |
|---|----------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn | | | | |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 4.000.000.000 | 4.000.000.000 | 10.403.589.290 | 10.403.589.290 |
| Cộng | 4.000.000.000 | 4.000.000.000 | 10.403.589.290 | 10.403.589.290 |

Tiền gửi có kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 6,6% đến 7,8% /năm (năm 2018 từ 6,2% đến 7,0%).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 20.094.034.923 | 23.045.014.745 |
| Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam) | - | 13.157.330 |
| Công ty cổ phần Hàng hải Hưng Phú | 2.508.043.759 | 2.508.043.759 |
| Công ty Ô Tô Toyota Việt Nam | 3.628.559.921 | 2.320.455.263 |
| Công ty TNHH Giấy Lee&man Việt Nam | 1.231.736.000 | - |
| Các khách hàng khác | 14.222.798.996 | 18.203.358.393 |
| Cộng | 21.591.138.676 | 23.045.014.745 |

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Công ty CP Dịch Vụ Nhịp Cầu Địa Ốc (*) | 17.441.715.920 | 17.441.715.920 |
| Cộng | 17.441.715.920 | 17.441.715.920 |

(*) Khoản cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhịp cầu Địa Ốc vay vốn ngắn hạn với mức lãi suất cho vay trên hợp đồng là 8,5%/năm với quyền mua căn hộ tại 152 Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh.

5. Phải thu khác

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| a) Phải thu ngắn hạn khác | 7.552.816.916 | 3.546.248.876 |
| BHXH, YT, TN | 4.930.327 | - |
| Tạm ứng nhân viên | 582.323.579 | 242.329.120 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | | |
|---|----------------------|----------------------|
| Ký cược, ký quỹ | 4.081.000.000 | 11.000.000 |
| Lãi dự thu | 142.191.441 | 686.258.576 |
| Công ty cổ phần Dịch vụ Nhịp Cầu Địa Ốc | 1.654.799.718 | 162.043.027 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 1.087.571.851 | 2.444.618.153 |
| b) Phải thu dài hạn khác | 55.000.000 | 55.000.000 |
| Đặt cọc tiền thuê kho bãi và dịch vụ khác | 55.000.000 | 55.000.000 |
| Cộng | 7.607.816.916 | 3.601.248.876 |

6. Nợ xấu

| | 31/12/2019 | | | 01/01/2019 | | |
|---|----------------------|------------------------|----------------------|----------------------|------------------------|----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng Công ty Cổ phần Hàng hải Hưng Phú | 2.508.043.759 | - | 2.508.043.759 | 2.508.043.759 | 806.017.503 | 1.702.026.256 |
| Tạm ứng các cá nhân | 34.635.068 | - | 34.635.068 | 34.635.068 | - | 34.635.068 |
| Cộng | 2.542.678.827 | - | 2.542.678.827 | 2.542.678.827 | 806.017.503 | 1.736.661.324 |

7. Hàng tồn kho

| | 31/12/2019 | | 01/01/2019 | |
|-----------------------|--------------------|----------|--------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 108.539.964 | - | 96.919.662 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 12.231.818 | - | - | - |
| Hàng hóa | 271.299.076 | - | 534.593.958 | - |
| Cộng | 392.070.858 | - | 631.513.620 | - |

8. Chi phí trả trước

| | 01/01/2019 | Phát sinh trong năm | Kết chuyển vào chi phí trong năm | 31/12/2019 |
|------------------------------|-------------------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------|
| | a) Chi phí trả trước ngắn hạn | 1.455.308.006 | 5.385.588.102 | 5.086.333.910 |
| b) Chi phí trả trước dài hạn | 4.116.001.772 | 3.962.397.945 | 3.864.624.297 | 4.213.775.420 |
| Cộng | 5.571.309.778 | 9.347.986.047 | 8.950.958.207 | 5.968.337.618 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| 9. Tài sản cố định hữu hình | | Nhà cửa, vật kiến trúc | | Máy móc thiết bị | | Phương tiện vận tải | | Thiết bị văn phòng | | TSCĐ khác | | Cộng | |
|-------------------------------|--|------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|---------------------|--|--------------------|--|-----------|--|------------------------|--|
| Khảo mục | | | | | | | | | | | | | |
| Nguyên giá | | | | | | | | | | | | | |
| 01/01/2019 | | 96.153.061.362 | 1.205.020.774 | 80.237.158.166 | 5.393.032.763 | 795.100.227 | | | | | | 183.783.373.292 | |
| Tăng trong năm | | 515.767.500 | - | 2.667.328.681 | 31.818.182 | - | | | | | | 3.214.914.363 | |
| Giảm trong năm | | - | - | 2.554.771.049 | - | - | | | | | | 2.554.771.049 | |
| 31/12/2019 | | 96.668.828.862 | 1.205.020.774 | 80.349.715.798 | 5.424.850.945 | 795.100.227 | | | | | | 184.443.516.606 | |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | | | | | | | | |
| 01/01/2019 | | 29.684.929.357 | 139.885.992 | 47.164.813.130 | 2.440.686.415 | 340.992.690 | | | | | | 79.771.307.584 | |
| Tăng trong năm | | 2.894.690.511 | 104.601.384 | 5.818.070.136 | 496.009.152 | 79.510.044 | | | | | | 9.392.881.227 | |
| Giảm trong năm | | - | - | 1.021.028.249 | - | - | | | | | | 1.021.028.249 | |
| 31/12/2019 | | 32.579.619.868 | 244.487.376 | 51.961.855.017 | 2.936.695.567 | 420.502.734 | | | | | | 88.143.160.562 | |
| Giá trị còn lại | | | | | | | | | | | | | |
| 01/01/2019 | | 66.468.132.005 | 1.065.134.782 | 33.072.345.036 | 2.952.346.348 | 454.107.537 | | | | | | 104.012.065.708 | |
| 31/12/2019 | | 64.089.208.994 | 960.533.398 | 28.387.860.781 | 2.488.155.378 | 374.597.493 | | | | | | 96.300.356.044 | |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, một số tài sản cố định hữu hình hết thời gian khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 43.292.348.729 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 29.047.446.911 VND).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Cộng |
|-------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | |
| 01/01/2019 | 24.058.532.693 | 24.058.532.693 |
| Tăng trong năm | - | - |
| Giảm trong năm | - | - |
| 31/12/2019 | 24.058.532.693 | 24.058.532.693 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | |
| 01/01/2019 | 1.128.947.228 | 1.128.947.228 |
| Tăng trong năm | 576.320.772 | 576.320.772 |
| Giảm trong năm | - | - |
| 31/12/2019 | 1.705.268.000 | 1.705.268.000 |
| Giá trị còn lại | | |
| 01/01/2019 | 22.929.585.465 | 22.929.585.465 |
| 31/12/2019 | 22.353.264.693 | 22.353.264.693 |

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|--|--------------------|--------------------|
| Mua sắm tài sản cố định | - | 445.454.556 |
| Công trình bộ trụ cầu cố định Phú Quốc | 194.363.636 | 194.363.636 |
| Công trình dự án kho mới Nam Phát | 14.000.000 | - |
| Cộng | 208.363.636 | 639.818.192 |

12. Đầu tư tài chính dài hạn

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|--------------------------------|----------------------|----------------------|
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 5.784.016.819 | 5.784.016.819 |
| Cộng | 5.784.016.819 | 5.784.016.819 |

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

| | 31/12/2019 | | 01/01/2019 | |
|---|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Giá gốc | Giá trị hợp lý |
| Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An (*) | 5.784.016.819 | 7.329.225.000 | 5.784.016.819 | 8.349.750.000 |
| Cộng | 5.784.016.819 | 7.329.225.000 | 5.784.016.819 | 8.349.750.000 |

(*) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tương ứng với 618.500 cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 7.329.225.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 giá trị hợp lý là 8.349.750.000 VND tương ứng với 618.500 cổ phiếu). Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn này là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày Báo cáo tài chính.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Phải trả người bán

| | 31/12/2019 | | 01/01/2019 | |
|--|-----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Công Ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | 3.561.180.437 | 3.561.180.437 | 1.036.099.479 | 1.036.099.479 |
| Khách hàng khác | 7.428.271.445 | 7.428.271.445 | 6.344.645.179 | 6.344.645.179 |
| Cộng | 10.989.451.882 | 10.989.451.882 | 7.380.744.658 | 7.380.744.658 |

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | 01/01/2019 | Số phải nộp | Số đã nộp | 31/12/2019 |
|--|----------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước | 352.397.982 | 4.765.349.245 | 4.931.648.299 | 186.098.928 |
| <i>Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước - Thuế phải thu</i> | (216.681.395) | 2.291.762.198 | 2.355.243.730 | (280.162.927) |
| <i>Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước - Thuế phải nộp</i> | 569.079.377 | 2.473.587.047 | 2.576.404.569 | 466.261.855 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.534.352.485 | 1.942.639.983 | 2.530.317.953 | 946.674.515 |
| <i>Thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế phải thu</i> | (134.338.984) | 250.446.649 | 195.607.759 | (79.500.094) |
| <i>Thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế phải nộp</i> | 1.668.691.469 | 1.692.193.334 | 2.334.710.194 | 1.026.174.609 |
| Thuế thu nhập cá nhân | (121.102.632) | 1.397.217.303 | 879.251.777 | 396.862.894 |
| <i>Thuế thu nhập cá nhân - Thuế phải thu</i> | (133.268.703) | 60.041.856 | 54.744.968 | (127.971.815) |
| <i>Thuế thu nhập cá nhân - Thuế phải nộp</i> | 12.166.071 | 1.337.175.447 | 824.506.809 | 524.834.709 |
| Các loại thuế khác | 85.955.097 | 1.792.104.958 | 1.815.856.228 | 62.203.827 |
| <i>Thuế môn bài</i> | - | 13.000.000 | 13.000.000 | - |
| <i>Thuế đất</i> | 6.785.408 | 890.599.738 | 918.349.000 | (20.963.854) |
| <i>Thuế phải thu</i> | - | - | 29.943.254 | (29.943.254) |
| <i>Thuế phải nộp</i> | 6.785.408 | 890.599.738 | 888.405.746 | 8.979.400 |
| <i>Thuế nhà thầu</i> | 79.169.689 | 888.505.220 | 884.507.228 | 83.167.681 |
| <i>Thuế phải thu</i> | - | - | - | - |
| <i>Thuế phải nộp</i> | 79.169.689 | 888.505.220 | 884.507.228 | 83.167.681 |
| Cộng | 1.851.602.932 | 9.897.311.489 | 10.157.074.257 | 1.591.840.164 |
| <u>Trình bày:</u> | | | | |
| <i>Thuế phải thu</i> | 484.289.082 | | | 517.578.090 |
| <i>Thuế phải nộp</i> | 2.335.892.014 | | | 2.109.418.254 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**15. Phải trả khác**

| | <u>31/12/2019</u> | <u>01/01/2019</u> |
|---|-----------------------------|---------------------------|
| a) Phải trả ngắn hạn khác | 750.827.641 | 744.506.254 |
| Kinh phí công đoàn | 62.970.500 | 2.730.900 |
| BHXH | - | 84.883.200 |
| BHYT | 1.932.051 | 18.948.651 |
| BHTN | 428.104 | 7.264.704 |
| Cổ tức hải trả | 27.377.665 | 21.004.495 |
| Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn | 118.504.148 | 124.004.148 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 539.615.173 | 485.670.156 |
| b) Phải trả dài hạn khác | 338.728.000 | 206.600.000 |
| Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh – Ký quỹ thuê văn phòng | - | 140.000.000 |
| Công ty TNHH SCHUNK INTEC | 30.000.000 | 30.000.000 |
| Công ty TNHH Milensea - Ký quỹ thuê văn phòng | 283.128.000 | - |
| Nhận ký quỹ ký cược dài hạn | 25.600.000 | 36.600.000 |
| Cộng | <u>1.089.555.641</u> | <u>951.106.254</u> |

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| Chỉ tiêu | Tăng do trích lập | | | 31/12/2019 |
|-----------------------------------|---------------------------|-----------------------------|-------------------------------|---------------------------|
| | 01/01/2019 | từ lợi nhuận | Chi trong năm | |
| Quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng | 181.699.062 | 1.133.994.000 | (1.186.016.030) | 129.677.032 |
| Quỹ thưởng ban quản lý, điều hành | 270.537.525 | 566.997.000 | (724.184.742) | 113.349.783 |
| Cộng | <u>452.236.587</u> | <u>1.700.991.000</u> | <u>(1.910.200.772)</u> | <u>243.026.815</u> |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**17. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Cộng |
|--------------------------------|---------------------------|----------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------------------|---------------------------------|------------------------|
| Số dư 01/01/2018 | 131.998.470.000 | 5.893.984.271 | - | 6.745.703.936 | 123.310.155.385 | 1.322.865.886 | 269.271.179.478 |
| Lợi nhuận năm 2018 | - | - | - | - | 11.340.145.225 | 85.467.750 | 11.425.612.975 |
| Mua cổ phiếu quỹ | - | - | (3.809.548.070) | - | - | - | (3.809.548.070) |
| Trích quỹ các quỹ | - | - | - | - | (2.635.614.615) | - | (2.635.614.615) |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | (26.108.294.000) | (54.052.676) | (26.162.346.676) |
| Tặng khác | - | - | - | - | 140.522.139 | - | 140.522.139 |
| Giảm khác | - | - | - | - | (97.809.028) | (9.052.336) | (106.861.364) |
| Số 31/12/2018 | 131.998.470.000 | 5.893.984.271 | (3.809.548.070) | 6.745.703.936 | 105.949.105.106 | 1.345.228.624 | 248.122.943.867 |
| Số dư 01/01/2019 | 131.998.470.000 | 5.893.984.271 | (3.809.548.070) | 6.745.703.936 | 105.949.105.106 | 1.345.228.624 | 248.122.943.867 |
| Lợi nhuận 9 tháng đầu năm 2019 | - | - | - | - | 11.792.592.061 | 104.490.538 | 11.897.082.599 |
| Mua cổ phiếu quỹ | - | - | (585.040.630) | - | - | - | (585.040.630) |
| Trích quỹ các quỹ | - | - | - | - | (1.700.991.000) | - | (1.700.991.000) |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | (23.174.404.600) | (77.355.599) | (23.251.760.199) |
| Giảm khác | - | - | - | - | 8.117.661 | (8.117.661) | - |
| 31/12/2019 | 131.998.470.000 | 5.893.984.271 | (4.394.588.700) | 6.745.703.936 | 92.874.419.228 | 1.364.245.902 | 234.482.234.637 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ phiếu

| | <u>31/12/2019</u> | <u>01/01/2019</u> |
|---|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 13.200.000 | 13.200.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng | 13.199.847 | 13.199.847 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>13.199.847</i> | <i>13.199.847</i> |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | <i>-</i> | <i>-</i> |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | 352.200 | 291.400 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>352.200</i> | <i>291.400</i> |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | <i>-</i> | <i>-</i> |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 12.847.647 | 12.908.447 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>12.847.647</i> | <i>12.908.447</i> |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | <i>-</i> | <i>-</i> |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

18. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ các loại

| | <u>Đơn vị tính</u> | <u>31/12/2019</u> | <u>01/01/2019</u> |
|----------|--------------------|-------------------|-------------------|
| Đô la Mỹ | USD | 28.831,63 | 129.051,34 |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | <u>Quý IV năm 2019</u> | <u>Quý IV năm 2018</u> | <u>Năm 2019</u> | <u>Năm 2018</u> |
|---------------------------|----------------------------|----------------------------|------------------------|------------------------|
| Tổng doanh thu | | | | |
| Dịch vụ vận tải | 12.823.225.009 | 10.357.024.702 | 47.248.224.097 | 40.245.046.056 |
| Dịch vụ khai thác kho bãi | 12.888.679.147 | 15.595.093.570 | 48.710.136.487 | 50.423.642.982 |
| Dịch vụ đại lý container | 3.252.456.970 | 2.183.476.790 | 10.577.480.702 | 10.556.461.043 |
| Cho thuê văn phòng | 884.070.617 | 821.413.791 | 3.646.429.445 | 3.130.897.541 |
| Doanh thu bán hàng hóa | 2.618.404.033 | 3.553.948.827 | 14.021.813.377 | 19.875.463.052 |
| Cộng | 32.466.835.776 | 32.510.957.680 | 124.204.084.108 | 124.231.510.674 |

2. Giá vốn hàng bán

| | | | | |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|
| Giá vốn dịch vụ vận tải | 11.718.644.325 | 10.721.523.174 | 45.308.881.938 | 42.383.024.241 |
| Giá vốn khai thác kho bãi | 9.909.039.105 | 12.013.596.392 | 37.887.560.590 | 40.889.818.482 |
| Giá vốn đại lý container | 1.675.493.785 | 1.161.926.619 | 6.257.729.445 | 6.422.585.731 |
| Giá vốn cho thuê văn phòng | 500.430.234 | 468.281.945 | 1.995.942.049 | 1.745.478.960 |
| Giá vốn hàng hóa | 2.552.337.335 | 3.502.422.564 | 13.629.178.484 | 19.367.057.234 |
| Cộng | 26.355.944.784 | 27.867.750.694 | 105.079.292.506 | 110.807.964.648 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Quý IV năm 2019 | Quý IV năm 2018 | Năm 2019 | Năm 2018 |
|--|----------------------|----------------------|----------------------|-----------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay vốn | 1.773.430.609 | 1.829.634.101 | 4.857.160.620 | 3.096.524.232 |
| Hoạt động kinh doanh chứng khoán | 145.287.293 | 632.930.935 | 730.175.469 | 6.796.925.398 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 20.410.772 | 83.177.900 | 86.416.813 | 202.017.236 |
| Đầu tư khác | - | - | 927.750.000 | 8.657.280.355 |
| Cộng | 1.939.128.674 | 2.545.742.936 | 6.601.502.902 | 18.752.747.221 |

4. Chi phí tài chính

| | | | | |
|---|----------------------|----------------------|----------------------|-----------------------|
| Hoạt động kinh doanh chứng khoán | 2.294.060.168 | 3.440.151.795 | 558.256.083 | 8.894.565.160 |
| <i>Trong đó: lãi margin chứng khoán</i> | <i>22.793.905</i> | <i>67.561.417</i> | <i>200.463.632</i> | <i>420.056.417</i> |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | - | (917.963.441) | - | - |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 5.528.748 | 3.217.803 | 12.685.946 | 131.114.351 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | - | 22.771.257 | - | 22.771.257 |
| Chi phí tài chính khác | - | 11.506.849 | - | 11.506.849 |
| Cộng | 2.299.588.916 | 2.627.245.680 | 2.865.002.197 | 12.567.670.829 |

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | | | | |
|------------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 1.234.375.215 | 1.254.236.723 | 4.989.716.819 | 5.337.987.203 |
| Chi phí nguyên vật liệu quản lý | 129.873.669 | 128.139.425 | 521.028.759 | 400.048.823 |
| Chi phí dụng cụ quản lý | 32.292.436 | 34.784.999 | 97.505.411 | 105.561.268 |
| Chi phí khấu hao | 78.498.753 | 94.396.953 | 381.107.259 | 377.587.812 |
| Thuế phí và lệ phí | 17.396.739 | 7.548.627 | 77.624.529 | 50.812.038 |
| Chi phí (hoàn nhập) dự phòng | 349.404.378 | 40.203.282 | 806.017.503 | 949.613.128 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 380.673.200 | 417.148.984 | 1.418.717.020 | 1.749.386.751 |
| Chi phí bằng tiền khác | 156.391.088 | 86.193.192 | 549.359.633 | 566.975.431 |
| Cộng | 2.378.905.478 | 2.062.652.185 | 8.841.076.933 | 9.537.972.454 |

6. Lợi nhuận khác

| | | | | |
|---|--------------------|--------------------|--------------------|----------------------|
| Thu nhượng bán, thanh lý tài sản cố định | 22.706.820 | 808.266.828 | 118.606.067 | 1.350.830.762 |
| Thu nhập khác | 227.697.556 | 2.000.000 | 252.357.217 | 133.871.424 |
| Cộng | 250.404.376 | 810.266.828 | 370.963.284 | 1.484.702.186 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | | | | |
|--|----------------------|--------------------|----------------------|----------------------|
| Lỗ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định | 56.475.432 | - | 56.475.432 | - |
| Phạt vi phạm hành chính | 14.000.000 | 28.813.983 | 14.000.000 | 48.813.983 |
| Chi phí khác | 282.870.554 | 5.158.368 | 432.206.897 | 52.093.006 |
| Cộng | 353.345.986 | 33.972.351 | 502.682.329 | 100.906.989 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác | (102.941.610) | 776.294.477 | (131.719.045) | 1.383.795.197 |

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Năm 2019 | Năm 2018 |
|--|------------------------|-----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 13.888.496.329 | 14.007.560.908 |
| Điều chỉnh lợi nhuận kế toán: | (1.130.978.042) | 435.478.336 |
| Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng | 9.984.360 | 556.602.217 |
| Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế | (1.140.962.402) | (121.123.881) |
| Thu nhập chịu thuế | 12.757.518.287 | 14.443.039.244 |
| Thuế suất áp dụng thông thường | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất áp dụng | 2.551.503.657 | 2.888.607.848 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm | 608.863.674 | 333.437.989 |
| Bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 1.942.639.983 | 2.555.169.859 |

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 20% trên thu nhập chịu thuế

8. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Quý IV năm 2019 | Quý IV năm 2018 | Năm 2019 | Năm 2018 |
|--|----------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế | 2.753.873.038 | 2.689.404.373 | 11.792.592.061 | 11.350.890.902 |
| Trừ: Số tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | (68.846.826) | (47.064.577) | (1.179.259.206) | (794.562.363) |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 2.685.026.212 | 2.642.339.796 | 10.613.332.855 | 10.556.328.539 |
| Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 12.899.905 | 12.908.447 | 12.899.905 | 12.908.447 |
| Lãi cơ bản trên cổ | 208 | 205 | 823 | 818 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| phiếu | | | | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| 9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | Quý IV năm 2019 | Quý IV năm 2018 | Năm 2019 | Năm 2018 |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 2.685.026.212 | 2.642.339.796 | 10.613.332.855 | 10.556.328.539 |
| Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu | - | - | - | - |
| Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng | 2.685.026.212 | 2.642.339.796 | 10.613.332.855 | 10.556.328.539 |
| Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 12.899.905 | 12.908.447 | 12.899.905 | 12.908.447 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm | - | - | - | - |
| Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng | 12.899.905 | 12.908.447 | 12.899.905 | 12.908.447 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 208 | 205 | 823 | 818 |
| 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố | Quý IV năm 2019 | Quý IV năm 2018 | Năm 2019 | Năm 2018 |
| Chi phí nguyên vật liệu. vật liệu | 6.819.394.585 | 8.189.105.767 | 27.348.357.473 | 29.952.732.824 |
| Chi phí nhân viên | 6.217.097.976 | 6.089.684.366 | 24.919.372.496 | 25.749.837.067 |
| Chi phí khấu hao | 2.240.005.628 | 2.804.331.020 | 9.969.201.998 | 12.484.863.995 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 13.214.766.187 | 12.471.681.180 | 50.738.170.633 | 50.859.802.085 |
| Chi phí bằng tiền khác | 243.585.886 | 375.600.546 | 945.266.839 | 1.298.701.131 |
| Cộng | 28.734.850.262 | 29.930.402.879 | 113.920.369.439 | 120.345.937.102 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

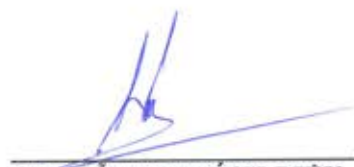
1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 01 năm 2020



NGUYỄN THẾ HÙNG
Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu



Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất